TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST Ngày: 01-11-2018 "V/v Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Song H, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 07, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 07, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Đỗ Đình H1, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 07, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 07, ấp ĐTr, xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Lý Thị Song H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị H và anh H1 đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh H1 thường rượu chè, vợ chồng tính tình không hợp nên dẫn đến vợ chồng cải nhau, anh H1 thường xuyên đánh chị H tàn nhẫn. Mâu thuẫn nhiều lần kéo dài nên chi H thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị H và anh H1 đã lý thân từ năm 2017 đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không đạt kết quả. Đến nay chị H thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Song H yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Đình H1.

Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 người con chung là Đỗ Thị Ngọc O, sinh ngày 08-4-2012 và Đỗ Đình H2, sinh ngày 18-3-2015. Hai cháu đang sinh sống với chị H, chị H có nguyện vọng nuôi hai con và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đỗ Đình H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung là Đỗ Thị Ngọc O, sinh ngày 08-4-2012 và Đỗ Đình H2, sinh ngày 18-3-2015 cho chị Lý Thị Song H tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:* Chị H và anh H1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh H1 là xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh H1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2011 tại UBND xã BB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 không quan tâm đến cuộc sống gia đình, tình tình vợ chồng không hợp nhau, anh H1 thường xuyên rượu chè dẫn đến vợ chồng cải nhau, anh H1 thường xuyên đánh đập chi H. Xét thấy không hợp nhau nên từ năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân thì gia đình hai bên cũng thường xuyên khuyên giải để vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị H, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh H1 để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh H1 vẫn không đến chứng tỏ anh H1 không có thiện chí đoàn tụ. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là có thật, do vợ chồng thường xuyên mâu

thuẫn nên từ giữa năm 2017 thì anh H1 và chị H ly thân cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 người con chung là Đỗ Thị Ngọc O, sinh ngày 08-4-2012 và Đỗ Đình H2, sinh ngày 18-3-2015. Từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay hai cháu do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Nay chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu O và H2 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Yêu cầu của chị H là phù hợp, bởi lẽ từ khi ly thân chị H là người trực tiếp nuôi các cháu và cho đến nay các cháu phát triển bình thường, để đời sống các cháu không bị xáo trộn nghĩ nên áp dụng khoản 2.3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 cháu O và H2 cho chị H được quyền nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị Song H và anh Đỗ Đình H1.

2.Về nuôi con chung: Chị Lý Thị Song H và anh Đỗ Đình H1 có có 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc O, sinh ngày 08-4-2012 và Đỗ Đình H2, sinh ngày 18-3-2015.

Giao 02 người con chung Đỗ Thị Ngọc O, sinh ngày 08-4-2012 và Đỗ Đình H2, sinh ngày 18-3-2015 cho chị Lý Thị Song H trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự

tự nguyện của chị Lý Thị Song H không yêu cầu anh Đỗ Đình H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Đình H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lý Thị Song H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0002883 ngày 09 tháng 7 năm 2018; Chị Lý Thị Song H đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-10-2018), đối với chị Lý Thị Song H và anh Đỗ Đình H1 vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã BB;
- lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI